TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: **53**/2025/DSST
Ngày: 21/05/2025
Về việc: **"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà My - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quậnThanh Xuân, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 184/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc **"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 04 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 51/2024/QĐST-DS ngày 05/05/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á**

Trụ sở chính: Số D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Từ Tiến P** - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: **Bà Mai Thị Mỹ H** - Nhân viên xử lý nợ (*Theo Văn bản uỷ quyền số 1095/UQ-CNTL.25 ngày 18/03/2025*) - Có mặt tại phiên toà

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Duy P1,** sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P - D3, tập thể T, phường T, quận T, Hà Nội - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần Á trình bày:

Ngày 23/04/2020, căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" đề ngày 22/04/2020 và các giấy tờ liên quan của ông Nguyễn Duy P1, Ngân hàng TMCP Á (gọi tắt là A) đã phát hành thẻ tín dụng cho ông P1 với thông tin chi tiết như sau:

- Thẻ tín dụng số: 4365 9980 0003 8030
- Ngày cấp: 23/04/2020
- Loại thẻ: Visa P
- Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng
- Hiệu lực thẻ: Tháng 04/2023
- Hình thức bảo đảm đối với dư nợ: Tín chấp
- Lãi suất: (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Cụ thể tại thời điểm cấp tín dụng cho ông P1, A quy định lãi suất trong hạn là 27%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn (40,5%) áp dụng từ thời điểm mở thẻ 23/04/2020 đến ngày 14/07/2023 theo Công văn 417/NVCV-TTT.19 ngày 12/11/2019 kèm theo Phụ lục 3H quy định biểu phí, lãi suất sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế A có hiệu lực từ ngày 01/12/2019.

Từ ngày 14/07/2023, A thay đổi chính sách về lãi suất suất, điều chỉnh lãi suất trong hạn đối với loại thẻ trên lên 30%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn là 45% theo Văn bản số 343/NVCV-TTT.19 ngày 28/09/2020 kèm theo Phụ lục 3 quy định biểu phí, lãi suất thẻ tín dụng cá nhân có hiệu lực từ ngày 14/07/2023

Theo quy định, nếu khách hàng thanh toán hạn mức chi tiêu trước ngày 20 của tháng sau thì không phải chịu lãi, kể từ ngày thứ 35 trở đi, khánh hàng phải trả lãi trong hạn là 27%/năm

Ngoài ra, tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" đề ngày 22/04/2020, ông P1 đã đồng ý với các quy định của A tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A là một phần không thể tách rời của hợp đồng. Do đó, P1 phải chấp nhận quy định về việc nhập lãi trong hạn vào vốn gốc là số dư đầu kỳ tiếp theo kể cả số dư đó cao hơn hạn mức của thẻ.

Quá trình sử dụng thẻ từ ngày 20/08/2020 đến ngày 19/01/2023, ông P1 đã chi tiêu số tiền 193.969.539 đồng, đã thanh toán trả A được 86.705.369 đồng.

Từ tháng 12/2022, ông P1 không chi tiêu số tiền trong hạn mức thẻ được cấp và cũng không thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi đến hạn cho A nên tổng dư nợ gốc của ông P1 đến ngày 19/01/2023 là 107.264.170 đồng, bao gồm 92.559.883 đồng nợ gốc và 14.704.287 đồng là tiền nợ lãi còn thiếu của các kỳ thanh toán trước. Kể từ ngày 19/01/2023, toàn bộ dư nợ gốc thực tế (không tính số tiền lãi trong hạn nhập gốc) của ông P1 bị áp dụng mức lãi suất quá hạn là 40.5% và từ 14/07/2023 là 45%.

Từ ngày 19/01/2023 đến ngày 28/06/2023, ông P1 thanh toán trả Ngân hàng được số tiền 55.400.000 đồng trừ vào nợ gốc nên còn nợ số tiền gốc là 51.864.170 đồng. Từ ngày 28/06/2023 đến nay, ông P1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với A

Tính đến thời điểm xét xử (ngày 21/05/2025), ông P1 đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với A là 853 ngày, tổng số tiền lãi quá hạn ông P1 phải chịu là 45.168.326 đồng

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi ông P1 còn nợ A là 97.032.496 đồng

Nay A yêu cầu ông P1 có nghĩa vụ thanh toán trả A số tiền trên và phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận và ông P1 đã đồng ý tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ngày 22/04/2020

** Bị đơn - ông Nguyễn Duy P1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm. Do sự vắng mặt của bị đơn nên Toà án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật đối với bị đơn.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Duy P1 phải thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 97.032,496 đồng, bao gồm nợ gốc là 51.864.170 đồng, lãi quá hạn là 45.168.326 đồng theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ngày 22/04/2020 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, đồng thời yêu cầu ông P1 phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận và ông P1 đã đồng ý tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ngày 22/04/2020.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân quận T có quan điểm*:**

- Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường T, quận T, Hà Nội, Công an xã T, huyện T, thành phố Hà Nội về tình trạng cư trú của bị đơn; Về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Toà án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và niêm yết kết quả phiên họp cho người vắng mặt theo quy định của pháp luật; Về tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Sau khi tiến hành xác minh, Toà án thực hiện thủ tục niêm yết tại địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn là đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo hiệu quả của việc niêm yết; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 23/12/2024, Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, ngày 14/04/2025, thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, phổ biên nội quy phiên tòa, quyền và nghĩa vụ của đương sự, đảm bảo việc hỏi, tranh luận đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 117, 280 463, khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 9, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á đối với ông Nguyễn Duy P1. Buộc ông P1 phải thanh toán trả Ngân hàng A số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 97.032.496 đồng đồng, bao gồm nợ gốc là 51.864.170 đồng, lãi quá hạn là 45.168.326 đồng theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ngày 22/04/2020. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông P1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

Về án phí: Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần Á khởi kiện bị đơn - ông

Nguyễn Duy P1 có địa chỉ cư trú cuối cùng theo hộ khẩu thường trú là phòng 304 - D3, tập thể T, phường T, quận T, Hà Nội, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ký ngày 22/04/2020 của ông P1 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Á. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - ông Nguyễn Duy P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc của nguyên đơn: Ngày 23/04/2020, ông Nguyễn Duy P1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A) phát sinh quan hệ tín dụng thông qua việc Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ngày 22/04/2020 cho ông Nguyễn Duy P1. Xét thấy, giao dịch của các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức, nội dung phù hợp quy định của pháp luật về giao dịch vay tài sản nên căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, thoả thuận trên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Theo thỏa thuận, A đồng ý cấp cho ông P1 thẻ tín dụng có hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm kể từ tháng 04/2020 đến tháng 04 năm 2023, hình thức bảo đảm là tín chấp. Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi trả theo kỳ vào ngày 24 hàng tháng; Lãi suất các bên thoả thuận áp dụng theo "Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng" do A phát hành. Tại thời điểm cấp tín dụng, A quy định lãi suất trong hạn đối với khoản vay là 27%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn

Quá trình sử dụng thẻ, theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, ông P1 đã sử dụng tổng số tiền 193.969.539 đồng, mới thanh toán trả A được 142.105.369 đồng, còn nợ 51.864.170 đồng tiền gốc và 45.168.326 đồng tiền lãi, tổng cộng là 97.032.496 đồng đồng. Từ tháng 06/2023, ông P1 không sử dụng hạn mức tín dụng được cấp và không thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn cho A.

Từ ngày 19/01/2023, toàn bộ dư nợ gốc chưa thanh toán của ông P1 bị áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn là 40,5%/năm và từ 14/07/2023 là 45%/năm

Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào các thông báo giao dịch thẻ tín dụng từ ngày 24/08/2020 đến ngày 24/01/2023 đối với khách hàng Nguyễn Duy P1 do Ngân hàng cung cấp, dư nợ

gốc phải thanh toán của ông P1 đến thời điểm ông P1 dừng sử dụng thẻ (tháng 4/2022) là 100.965.204 đồng, tại thời điểm chuyển nợ quá hạn - ngày 19/01/2023 là 107.264.170 đồng. Sau thời điểm chuyển nợ quá hạn đến ngày 28/06/2023, ông P1 thanh toán trả Ngân hàng được 55.400.000 đồng, trừ vào dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán, ông P1 còn nợ A số tiền gốc là 51.864.170 đồng. Từ ngày 28/06/2023 đến nay, ông P1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi nên toàn bộ dư nợ gốc được giữ nguyên là 51.864.170 đồng. Theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, A yêu cầu ông P1 thanh toán khoản tiền 51.864.170 đồng là có căn cứ, cần buộc ông P1 phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Theo Văn bản số 417/NHCV- TTT.19 ngày 12/11/2019 và Phụ lục 3I kèm theo Quy định về biểu phí, lãi suất sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế AC Visa Privilege Signature theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng do A ban hành và ông P1 đã đồng ý chấp thuận thì mức lãi suất vay trong hạn là 27%/năm.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng N quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật nên việc A và ông P1 thỏa thuận về lãi suất vay 27%/năm tại thời điểm giao kết hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày 24/08/2020 đến ngày 28/06/2023, ông P1 đã thanh toán trả Ngân hàng được tổng số tiền 142.105.369 đồng, bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn. Từ ngày 19/01/2023 ngày 13/07/2023, do ông P1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ dư nợ của ông P1 bị áp dụng lãi suất quá hạn là 27% x 150% = 40,5%/năm và từ 14/07/2023 đến nay là 30% x 150% = 45%/năm

Theo tài liệu tính lãi của Ngân hàng, Ngân hàng đã nhập số tiền lãi trong hạn của ông P1 là 14.704.287 đồng vào số dư nợ gốc tại thời điểm chuyển nợ quá hạn nhưng Ngân hàng chỉ tính lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc thực tế, không tính lãi quá hạn trên số tiền nợ lãi nhập gốc 14.704.287 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Kể từ thời điểm Ngân hàng chuyển nợ quá hạn (ngày 19/01/2023) đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông P1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tổng số 853 ngày. Từ ngày 19/01/2023 đến ngày 13/07/2023 (175 ngày), dư nợ gốc của ông P1 bị áp dụng lãi suất quá hạn là 27%/năm x 150% = 40,5%/năm, từ ngày 14/07/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (678 ngày), Ngân hàng điều chỉnh lãi vay trong hạn lên 30% nên lãi suất quá hạn áp dụng là 45%/năm.

Như vậy tổng số tiền lãi quá hạn ông P1 phải chịu là: 14.106738.738 đồng + 31.061.588 đồng = 45.168.326 đồng

Tổng cộng số tiền nợ gốc nợ lãi ông P1 còn nợ Ngân hàng là: 51.864.170 đồng + 45.168.326 đồng = 97.032.496 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 97.032.496 đồng là có căn cứ, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán trả nguyên đơn

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán của ông P1 kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo theo Án lệ số 08/2016/AL *"về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử"* được lựa chọn từ quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/05/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".*

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và quy định tại Án lệ số 08/2016/AL, buộc ông P1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho A.

[3]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết, ông Nguyễn Duy P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 97.032.496 đồng x 5% = 4.851.624 đồng

Hoàn trả A số tiền tạm ứng án phí 1.673.325 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036836 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng N; Thông tư 39/2016/TT - NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết.

*** Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á đối với ông Nguyễn Duy P1 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ngày 22/04/2020 của ông P1 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Á.

Buộc ông Nguyễn Duy P1 phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ngày 22/04/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/05/2025) là **97.032.496 đồng** *(chín mươi bảy triệu không trăm ba hai ngàn bốn trăm chín mươi sáu đồng),* bao gồm: Nợ gốc 51.864.170 đồng *(năm mươi mốt triệu tám trăm sáu tư ngàn một trăm bảy mươi đồng)* và nợ lãi quá hạn là 45.168.326 đồng *(bốn nhăm triệu một trăm sáu tám ngàn ba trăm hai sáu đồng)*

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Duy P1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Duy P1 phải chịu 4.851.624 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả A số tiền tạm ứng án phí 1.673.325 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036836 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Diệu Thuý

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận :
TÒA
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Đỗ Thị Diệu Thúy